TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **36**/2024/DS-ST
Ngày: 24/6/2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Lan Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Diệp Anh**
Ông Nguyễn Ngọc Hấn

- ***Thư ký phiên tòa***: **Bà Đặng Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST-DS ngày 19/02/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST – DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S1);** Địa chỉ trụ sở: Tầng H, 266 - B N, phường V, Quận C, TP .; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S2), Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T – Tổng giám đốc Công ty S2 (Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 02/12/2022); Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T - Tổng Giám đốc; Ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh H - Nhân viên Công ty S2 (Giấy ủy quyền sô: 986/2024/UQ-TGĐ ngày 25/01/2024).*(Ông H có mặt)*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Số I Hồ N, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. *(Bà C vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

<u>Tại Đơn khởi kiện ngày 18/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:</u>

Ngày 08/5/2021, Bà C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà C, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng số thẻ 472074 - 0186, lãi suất 2.6%/tháng), với hạn mức sử dụng chung là **30.000.000** đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **548.146.042** đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **521.164.000** đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngày 11/07/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà C và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn= (2.766%/tháng x 150%) = 4.149%/tháng

Tính đến ngày 22/04/2024, Bà C còn nợ tổng số tiền như sau: Nợ gốc: 33.472.172 đồng; Nợ lãi: 13.285.804 đồng; Tổng dư nợ: 46.757.976 đồng Bảng chữ: (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng)

*Công thức tính lãi quá hạn: (1) Nợ gốc x lãi suất quá hạn/30 = lãi ngày; (2) Ngày chuyển quá hạn đến ngày sao kê = số ngày => (1) x (2) = tiền lãi quá hạn

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà C có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc bà **Nguyễn Thị C** phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/04/2024 là: 46.757.976 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng*)

2. Và bà **Nguyễn Thị C** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 22/04/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

3. Buộc bà **Nguyễn Thị C** phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà C theo quy định của pháp luật, nhưng bà C

không đến Tòa án, không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc bị đơn - Bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký với số tiền tạm tính đến ngày 24/6/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là: **49.674.372** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, sáu trăm bảy tư nghìn, ba trăm bảy hai đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc**:** 33.472.172 đồng, L quá hạn: 16.202.200 đồng. Yêu cầu bà Nguyễn Thị C tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Vắng mặt, không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bà Nguyễn Thị C vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, Thông báo, Quyết định hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1, tại phiên tòa lần 2 bà C vắng mặt không có lí do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu giải quyết vụ án: Vụ án vẫn còn thời hiệu.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) được ký kết giữa bà C và Ngân hàng S1 – chi nhánh T1 – P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của luật các tổ chức tín dụng do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết

theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng S1 đã có đơn khởi kiện yêu cầu bà C trả nợ số tiền nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I]. **Về tố tụng**:

1. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị C có ký kết hợp đồng thẻ tín dụng với Ngân hàng S1 – chi nhánh T1 – PGD Hàng Bồ, có địa chỉ tại: Số H H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi phát sinh hoạt động của chi nhánh giải quyết và đề nghị bà C phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký giữa S1 và bà C. Số tiền tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên do đó quan hệ pháp luật của vụ án. Vì vậy, Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015.

2. Về thời hiện khởi kiện: Ngân hàng S1 và bà Nguyễn Thị C ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/05/2021 thẻ tín dụng số 472074 - 0186. Quá trình sử dụng thẻ, bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/07/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 18/7/2023 Ngân hàng S1 nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

3. Về thủ tục tố tụng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xác minh tại C1 bà Nguyễn Thị C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I Hồ N, phường C, quận H, thành phố Hà Nội và đăng ký tạm trú tại: Nhà T, Tổ A, ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Hiện bà C không sinh sống tại địa chỉ trên, chuyển đi nơi khác từ lâu, không biết đi đâu, không thông báo với công an phường địa chỉ nơi cũng không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn là thuộc trường hợp "cố tình giấu địa chỉ" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của của BLTTDS năm 2015.

Và xác định địa chỉ: Số I Hồ N, phường C, quận H, thành phố Hà Nội là địa chỉ cư trú cuối cùng của bà C theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 Điều 192 của của BLTTDS năm 2015.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập đương sự nhưng bà C vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc của Toà án.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 09h00 ngày 23/5/2024 nhưng bị đơn bà C vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo tiếp tục phiên tòa vào hồi 09h00 ngày 24/6/2024. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của BLTTDS năm 2015.

[II]. **<u>Về nội dung vụ án</u>**:

1. ***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:***

Ngày 08/05/2021, Bà C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà C, Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng số thẻ 472074 - 0186, lãi suất 2.6%/tháng), với hạn mức sử dụng chung là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà C không có mặt, không có lời khai liên quan đến tranh chấp mà Ngân hàng đang khởi kiện. Tuy nhiên, từ những tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, đúng chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng nên Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 548.146.042 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 521.164.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Đối chiếu với khoản nợ theo hạn mức sử dụng và số tiền nợ gốc bà C đã trả, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam số 2399/2019/QĐ – TTT ngày 06/8/2019, các bên thỏa thuận lãi suất thẻ tín dụng nội địa cấp cho cá nhân là 2,6 %/ tháng, lãi suất năm là 31.2%.

Và, Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022, các bên thỏa thuận lãi suất thẻ tín dụng nội địa cấp cho cá nhân là 2.77%/ tháng, lãi suất năm là 33.2%/ năm.

Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 11/07/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà C và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính từ ngày 11/07/2023 và được tính bằng công thức: (tiền nợ gốc x 2.766%/ tháng x 150%)/ 30 nhân với số ngày của tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của các bên tại Hợp đồng và các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng thể hiện tại bảng tính tổng hợp gốc, lãi. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà C thanh toán số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bà C tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 117; Điều 119; Điều 149, Điều 223; Điều 401; Điều 429; Điều 440; Điều 466; Điều 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1.2, điểm e khoản 1.4 Điều 1 Mục II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng S1 đối với bà Nguyễn Thị C.

2. Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), số thẻ Visa Credit Classic 472074 – 4804 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/6/2024) là: **49.674.372** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, sáu trăm bảy tư nghìn, ba trăm bảy hai đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc**:** 33.472.172 đồng, L quá hạn: 16.202.200 đồng

Ngoài số tiền nêu trên, bà Nguyễn Thị C tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 2.484.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn).

Ngân hàng S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.160.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số: 0006185 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S1. Vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thị C.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND Q.Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS Q Hoàn Kiếm;
ác đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Lan Hương